

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2025

**CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRƯỜNG THPT
NGUYỄN QUỐC TRINH THỰC HIỆN NĂM HỌC 2024-2025**

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trung học phổ thông Nguyễn Quốc Trinh

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử

- Địa chỉ: Xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02436475103

- Email: c3nguyenquoctrinh@hanoiedu.vn;

- Website: <https://thptnguyenquoctrinh.hanoi.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục

- Loại hình: Trường công lập

- Trục thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

- Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp - kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

- Tầm nhìn “Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại”.

- Giá trị cốt lõi:

+ Đoàn kết: Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, có khả năng tương tác, hỗ trợ cùng hướng đến mục tiêu chung;

+ Nhân ái: Nuôi dưỡng những tâm hồn biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ và giàu lòng nhân ái.

+ Tôn trọng: tôn trọng những nguyên tắc và con đường mình đã lựa chọn; biết hòa hợp những nguyên tắc này với mối quan hệ xã hội;

+ Trách nhiệm: Nêu cao vai trò bản thân, xây dựng tính tự giác, trách nhiệm cao trong giảng dạy công tác và học tập.

+ Trung thực: Trung thực với bản thân, tránh bệnh thành tích trong giáo dục; Trung thực với mọi người để tạo dựng những mối quan hệ tốt trên cơ sở của lòng tin.

+ Hợp tác: sẵn sàng đón nhận bè bạn ngay cả khi không cùng quan điểm. Đề cao quan hệ mật thiết giữa nhà trường và phụ huynh trong công tác giáo dục học sinh. Đề cao tinh thần hợp tác với các trường bạn trong xã và trong huyện.

+ Sáng tạo: Phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, quản lý và các hoạt động dạy học.

- Mục tiêu: Xây dựng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh thành một trường có chất lượng giáo dục chất lượng cao trên địa bàn huyện Thanh Trì nói riêng và của thành phố Hà Nội nói chung.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh là đơn vị công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Hà Nội được thành lập tháng 7/2019. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Sở GD&ĐT Hà Nội, sự quan tâm tạo điều kiện của Huyện ủy, UBND huyện Thanh Trì, sự phối hợp của các cấp, các ngành, qua 6 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã đạt được những thành tích, kết quả giáo dục khá toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động.

Phương châm của nhà trường là “Xây dựng tập thể đoàn kết vững mạnh, nâng cao chất lượng chuyên môn, khẳng định vị thế của nhà trường trong khu vực và trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Ngô Văn Nghĩa - Bí thư Chi bộ-Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội
- Email: c3nguyenquoctrinh@hanoiedu.vn;

7. Tổ chức bộ máy

7.1 Quyết định thành lập trường

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh được thành lập theo Quyết định 3974/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội là đơn vị công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Hà Nội.

7.2 Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên hội đồng trường.

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 822/QĐ-SGD&ĐT ngày 03/6/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT Hà Nội. Hội đồng trường có 11 thành viên bao gồm đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Giám hiệu nhà trường, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn, văn phòng, đại diện CMHS.

Các thành viên trong Hội đồng trường được phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể. Chủ tịch Hội đồng trường là Hiệu trưởng nhà trường, các thành viên bao gồm các tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, các tổ chức Đoàn thể, đại diện CMHS. Hội đồng trường họp thường niên 3 tháng một lần, họp bất thường khi cần thiết để chỉ ra những tồn tại, nguyên nhân yếu kém đưa ra biện pháp giải quyết, phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

Danh sách thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Ngô Văn Nghĩa	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Nguyễn Ngọc Ngạn	Chủ tịch Công đoàn	
3	Ông Lương Văn Cảnh	Bí thư Đoàn	
4	Bà Trần Thị Hà	Tổ trưởng chuyên môn	
5	Ông Phạm Việt Hòa	Tổ trưởng chuyên môn	
6	Bà Đặng Thị Thanh Hương	Tổ trưởng chuyên môn	
7	Ông Nguyễn Hữu Thái	Tổ trưởng chuyên môn	
8	Bà Lục Thị Kim Yên	Tổ trưởng tổ Văn phòng	
9	Bà Lê Thị Dung	Phó trưởng phòng Phòng GDĐT huyện Thanh Trì	<i>Đã chuyển công tác</i>
10	Ông Nguyễn Văn Hiến	Trưởng ban đại diện Cha mẹ học sinh	
11	Vũ Thị Minh Phương	Đại diện học sinh	<i>Đã ra trường</i>

Danh sách gồm: 11 đồng chí

7.3 Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 868/QĐ-UBND, ngày 22/2/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ nhiệm ông Ngô Văn Nghĩa giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 1851/QĐ-SGDĐT, ngày 28/9/2020 của Sở GDĐT Hà Nội về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Cẩm Khuê giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 214/QĐ-SGDĐT, ngày 29/1/2021 của Sở GDĐT Hà Nội về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Phú giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh.

7.4 Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

* Cơ chế tổ chức và hoạt động

- Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, tài khoản và con dấu riêng.

- Nhà trường được thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên mức

100% theo Quyết định số 2211/QĐ-SGDĐT ngày 16/11/2023 về việc giao tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2024-2025.

- Cơ chế hoạt động thực hiện chủ yếu các nhiệm vụ:

+ Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền. Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

+ Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

+ Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

+ Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn**

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy**

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 26 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 82 công đoàn viên.

*** Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
Ngô Văn Nghĩa	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	0915256022	ngonghia01041975@gmail.com
Nguyễn Thị Cẩm Khuê	Phó Bí thư Chi bộ - Phó Hiệu trưởng	0968830988	camkhue79nqt@gmail.com
Nguyễn Xuân Phú	Phó Hiệu trưởng	0904049779	nguyenxuanphutd@gmail.com

Địa chỉ làm việc: Xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Số điện thoại: 02436475103

8. Các văn bản khác của nhà trường

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 57/KH-THPTNQT, ngày 03/5/2024 của Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh về việc chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến 2030.

- Quy chế dân chủ nhà trường: Quyết định số 302/QĐ-THPTNQT, ngày 07/10/2023 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

- Quy chế của Hội đồng trường: Quyết định số 134/QĐ-THPTNQT ngày 18/6/2022 của Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027.

+ Kế hoạch số 280/KH-THPTNQT ngày 06/9/2024 về nhiệm vụ năm học 2024-2025.

+ Quyết định số 304/QĐ-THPTNQT ngày 26/9/2024 về việc thành lập quy chế chuyên môn năm học 2024-2025.

+ Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ năm học 2024-2025.

+ Kế hoạch số 305/KH-THPTNQT ngày 26/9/2024 về công tác chuyên môn năm học 2024-2025.

+ Kế hoạch số 288/KH-THPTNQT ngày 06/9/2024 về kiểm tra nội bộ năm học 2024-2025.

+ Kế hoạch số 180/KH-THPTNQT ngày 03/8/2024 về đào tạo bồi dưỡng năm học 2024-2025.

+ Kế hoạch số 210/KH-THPTNQT ngày 22/8/2024 về BDTX năm 2024-2025.

II. CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

2.1 Thông tin đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2024-2025.

Hiện nay, đội ngũ CBGV,NV có 87 đồng chí đồng chí (biên chế, hợp đồng, thỉnh giảng). 100% CBGV, NV đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Tập thể nhà trường đoàn kết, nhất trí trong các hoạt động giáo dục. Đội ngũ CBGV, NV có trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, có trình độ kỹ năng ứng dụng và sử dụng CNTT, thích ứng với đổi mới phương pháp dạy học đặc biệt với chương trình GDPT 2018.

TT	Môn	Số lượng CBGVNV			Trình độ		Hạng CDNN		
					chuyên môn				
		Tổng số	Biên chế	HĐ,TG	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I. CBQL									
1	Hiệu trưởng	1	1		1	1		1	
2	Phó Hiệu trưởng	2	2		2	2	1	1	
TỔNG CBQL		3	3		3/3= 100%	3/3= 100%	1/3= 33,3%	2/3= 66,7%	
II. Giáo viên									
1	Toán	13	8	5	13	13	10	3	
2	Tin	3	2	1	3	0	3		
3	Vật lí	5	3	2	5	3	3	2	
4	Hóa	5	3	2	5	3	4	1	
5	Sinh	4	3	1	4	2	4		

6	Công nghệ	1	1	0	1	0	1		
7	Ngữ văn	9	6	3	9	2	6	3	
8	Lịch sử	6	5	1	6	1	4	2	
9	Địa lí	4	3	1	4	1	4		
10	GDKTPL	5	4	1	5	3	5		
11	Tiếng Anh	10	9	1	10	2	9	1	
12	GDTC	5	4	1	5	1	4	1	
13	GDQP	2	2	0	2	0	1	1	
14	Âm nhạc	1	0	1	1	0	1		
15	Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0		
16	GD địa phương								
17	HĐTNHN								
TỔNG GIÁO VIÊN		73	53	20	73/73=100%	31/73=42,5%	59/73=80,8%	14/73=19,2%	
III. Nhân viên									
1	Văn thư	1	1		1	1			
2	Kế toán	1		1	1	1			
3	Y tế	1		1	1				
4	Thư viện	1	1		1	1			
5	Thủ quỹ	1		1	1	1			
6	Lao công	1		1	1				
7	Bảo vệ	4		4	4				
8	Sửa chữa nhỏ	1		1	1				
TỔNG NHÂN VIÊN		11	2	9	11 (100%)	4 (36.4%)			
TOÀN TRƯỞNG		87	58	29	87/87=100%	38/87=43,7%			

100% CBGV đều đạt chuẩn nghề nghiệp từ Khá, Tốt trở lên.

100% cán bộ, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

2.2 Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

Trường có khuôn viên rộng với diện tích 32.000m². Hệ thống phòng học, phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất khang trang sạch sẽ,

thoáng mát. Cảnh quan sư phạm nhà trường Sáng-Xanh-Sạch-Đẹp đáp ứng điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

Số phòng học: Tổng số có 20 phòng học thông thường, 6 phòng bộ môn, 100% các phòng học, phòng bộ môn được lắp đặt hệ thống Internet, máy chiếu, điều hòa, các trang thiết bị khác phục vụ tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.

Nhà trường có các phòng thí nghiệm, sân chơi, bãi tập phục vụ tốt cho quá trình giảng dạy và học tập của học sinh.

Phòng thí nghiệm: 03 phòng

Phòng bộ môn: 6 phòng (Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, 02 Tin học)

Nhà thể chất: 01. Sân chơi, bãi tập: Đầy đủ, cơ bản đáp ứng được các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa-văn nghệ, các hoạt động chung của nhà trường.

Ban cơ sở vật chất thường xuyên kiểm tra tại các phòng học và các phòng chức năng để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời. Các tổ chuyên môn và văn phòng đã có kế hoạch kịp thời đề xuất mua sắm các trang thiết bị để hỗ trợ công tác dạy và học.

Hiện nay, nhà trường đang tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp trường THPT Nguyễn Quốc Trinh với 1 dãy nhà gồm 20 phòng phòng chức năng, phòng học thông thường, nâng cấp trạm biến áp, cải tạo nhà thể chất, dự kiến đi vào sử dụng vào tháng 8/2025.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học		1 lớp/1 phòng
8	Bình quân học sinh/lớp		42.3 HS/lớp
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	32,000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	20,000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1340	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	402	
3	Diện tích thư viện (m ²)	60	Dùng chung

4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	769	Dùng chung
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	70	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	6	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	Đủ	
1.2	Khối lớp 11	Đủ	
1.3	Khối lớp 12	Đủ	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	-
2.1	Khối lớp 10	0	-
2.2	Khối lớp 11	0	-
2.3	Khối lớp 12	0	-
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	68	Dùng chung
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	20	Dùng chung
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	
5	Thiết bị khác...		
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	01 (40 m ²)	
XI	Nhà ăn	01 (120 m ²)	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		14		0,5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong năm học 2024-2025

	KHỐI 10	KHỐI 11	KHỐI 12
I.	SÁCH GIÁO KHOA KẾT NỐI		
1	Toán 10, tập 1 (Kết nối)	Toán 11, tập 1 (Kết nối)	Toán 12, tập 1 (Kết nối)
2	Toán 10, tập 2 (Kết nối)	Toán 11, tập 2 (Kết nối)	Toán 12, tập 2 (Kết nối)
3	Chuyên đề học tập Toán 10 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Toán 11 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Toán 12 (Kết nối)
4	Tiếng Anh 10 Global Success - Sách học sinh	Tiếng Anh 11 Global Success - Sách học sinh	Tiếng Anh 12 Global Success - Sách học sinh
5	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 10 (Kết nối)	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 11 (Kết nối)	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối)
6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 10	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 11	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 12
7	Giáo dục thể chất 10, Bóng đá (Kết nối)	Giáo dục thể chất 10, Bóng rổ (Kết nối)	Giáo dục thể chất 12 – Cầu lông (Kết nối)
10	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 (Kết nối)	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 (Kết nối)	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 (Kết nối)
9	Vật lý 10 (Kết nối)	Vật lý 11 (Kết nối)	Vật lý 12 (Kết nối)
10	Chuyên đề học tập Vật lý 10 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Vật lý 11 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Vật lý 12 (Kết nối)
11	Hóa học 10 (Kết nối)	Hóa học 11 (Kết nối)	Hóa học 12 (Kết nối)

12	Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Kết nối)	Chuyên đề học tập Hóa học 12 (Kết nối)
13	Âm nhạc 10 (Kết nối)	Âm nhạc 11 (Kết nối)	Âm nhạc 12 (Kết nối)
14	TLCĐ GD nếp sống VMTL cho học sinh Hà Nội - Lớp 10	TLCĐ GD nếp sống VMTL cho học sinh Hà Nội - Lớp 11	
II	SÁCH BÀI TẬP KẾT NỐI		
1	Bài tập Toán 10, tập 1 (Kết nối)	Bài tập Toán 11, tập 1 (Kết nối)	Bài tập Toán 12, tập 1 (Kết nối)
2	Bài tập Toán 10, tập 2 (Kết nối)	Bài tập Toán 11, tập 2 (Kết nối)	Bài tập Toán 12, tập 2 (Kết nối)
3	Tiếng Anh 10 Global Success - Sách bài tập	Tiếng Anh 11 Global Success - Sách bài tập	Tiếng Anh 12 Global Success - Sách bài tập
4	Bài tập Vật lý 10 (Kết nối)	Bài tập Vật lý 11 (Kết nối)	Bài tập Vật lý 12 (Kết nối)
5	Bài tập Hóa học 10 (Kết nối)	Bài tập Hóa học 11 (Kết nối)	Bài tập Hóa học 12 (Kết nối)
III	SÁCH GIÁO KHOA + CHUYÊN ĐỀ CÁNH DIỀU		
1	Ngữ văn 10, tập 1 (Cánh diều)	Ngữ văn 11, tập 1 (Cánh diều)	Ngữ văn 12, tập 1 (Cánh diều)
2	Ngữ văn 10, tập 2 (Cánh diều)	Ngữ văn 11, tập 2 (Cánh diều)	Ngữ văn 12, tập 2 (Cánh diều)
3	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Cánh diều)
4	Lịch sử 10 (Cánh diều)	Lịch sử 11 (Cánh diều)	Lịch sử 12 (Cánh diều)
5	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Cánh diều)	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Cánh diều)
6	Địa lí 10 (Cánh diều)	Địa lí 11 (Cánh diều)	Địa lí 12 (Cánh diều)
7	Sinh học 10 (Cánh diều)	Sinh học 11 (Cánh diều)	Sinh học 12 (Cánh diều)
9	Tin học 10 (Cánh diều)	Tin học 11 (Cánh diều)	Tin học 12 - Tin học ứng dụng (Cánh diều)
10	Công nghệ 10 (Thiết kế & Công nghệ) (Cánh diều)	Công nghệ 11 (Thiết kế & Công nghệ) (Cánh diều)	Công nghệ 12 - Công nghệ cơ khí (Cánh diều)
IV	SÁCH BÀI TẬP CÁNH DIỀU		
1	Bài tập Ngữ văn 10, tập 1 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 11, tập 1 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 12, tập 1 (Cánh diều)
2	Bài tập Ngữ văn 10, tập 2 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 11, tập 2 (Cánh diều)	Bài tập Ngữ văn 12, tập 2 (Cánh diều)
3	Atlas Địa lý Việt Nam	Atlas Địa lý Việt Nam	Atlas Địa lý Việt Nam

2.3 Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Thực hiện Công văn số 520/SGDĐT-KHTC ngày 26/2/2024 của Sở GDĐT Hà Nội về việc thực hiện công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia năm 2024, trường THPT Nguyễn Quốc Trinh đã ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá số 124/QĐ-THPTNQT ngày 06/5/2024. Công cụ đánh giá: Sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá: Thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 22 thành viên với đầy đủ các thành phần (Cấp uỷ, Ban giám hiệu, Chủ tịch công đoàn, Bí thư đoàn trường, đại diện cha mẹ học sinh, đại diện tổ trưởng chuyên môn, hành chính, đại diện giáo viên, nhân viên), phân công công việc rõ ràng cho từng thành viên.

Hội đồng tự đánh giá đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quá trình đánh giá, phân công công việc, trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng. Mỗi thành viên được phân công thu thập tài liệu, nghiên cứu đánh giá và hoàn thành các tiêu chí được giao bao gồm từ mô tả hiện trạng đến tự đánh giá và đầy đủ các minh chứng. Hội đồng tự đánh giá đã đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo 07 bước:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
2. Lập kế hoạch tự đánh giá;
3. Thu thập xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng;
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí;
5. Viết báo cáo tự đánh giá;
6. Công bố báo cáo tự đánh giá;
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Kết quả đánh giá:

Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 3033/QĐ-SGDĐT ngày 11/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội. Trong số 07 trường THPT đạt KĐCLGD, trường THPT Nguyễn Quốc Trinh là trường duy nhất đạt KĐCLGD cấp độ 3.

Trường được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tặng Bằng công nhận Trường THPT đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 (mức độ cao nhất) theo Quyết định số 159/QĐ-SGDĐT ngày 17/01/2025.

III.CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

3.1 Thông tin về kế hoạch giáo dục của năm học

- Công tác tuyển sinh năm học 2024-2025:

+ Chỉ tiêu được giao: 585 học sinh

+ Học sinh tuyển được: 586 học sinh

Phương thức, thời gian tuyển sinh thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn của Sở GDĐT Hà Nội.

- Chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	1694	620	527	547
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1599 94.39%	579/620= 93,39%	495/527= 93,93%	525/547= 95,98%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	86 5.08%	39/620= 6,29%	27/527= 5,12%	20/547= 3,66%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	8 0.47%	2/620= 0,32%	4/527= 0,76%	2/547= 0,37%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.06%	0	1/527= 0,19%	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1694	620	527	547
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	947 55.9%	254 40,97%	340 64,52%	353 64,53%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	726 42.86%	352 56,77%	181 34,35%	193 35,28%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	21 1.24%	14 2,26%	6 1,14%	1 0,18%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1694	620	527	547
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1693 99.94%	620 100%	526 99,81%	547 100%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	71 4,19%	9 1,45%	38 7,21%	24 4,39%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	870 51,36%	244 39,35%	299 56,74%	327 59,78%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	1	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	1	0

4	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Bỏ học, chuyển đi học nghề (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	1	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	5 giải	0	0	5 giải
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
3	Cấp cụm	61 giải	31 giải	30 giải	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	547			547
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				546 99,8%

IV. CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

4.1. Công khai tài chính 6 tháng đầu năm 2025

a. Nguồn ngân sách

		<i>Đvt: Nghìn đồng</i>	
Số TT	Nội dung	Dự toán được giao đầu năm / Số thu (ĐVT Nghìn đồng)	Số quyết toán (ĐVT Nghìn đồng)
1	2	3	
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.896.359	19.880.757
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	19.896.359	19.880.757
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.341.265	19.325.663
*	<i>Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025</i>	18.642.825	18.628.743
	<i>Kinh phí ngân sách đặt hàng 8 tháng đầu năm 2024</i>	12.390.665	12.390.664
	<i>Kinh phí ngân sách đặt hàng 4 tháng cuối năm 2024</i>	6.252.160	6.238.079
*	Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	698.440	696.920
	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	555.094	555.094

*	KP Chi nghiệp vụ.	4.650	4.650
	Chia ra:		
	.-Chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; học bổng cho người khuyết tật.	4.650	4.650
	Kinh phí tiền thưởng để thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND Thành Phố	550.444	550.444

b. Nguồn dịch vụ: Không có

4.2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

*** Học sinh miễn giảm kỳ 1 năm học 2024-2025**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Lớp	Thuộc diện chính sách	Ghi chú
I	Học sinh mồ côi cha mẹ				
1	Nguyễn Bảo Lâm	25/10/2009	10D7	Mồ côi cha mẹ	
2	Ngô Thảo Chi	21/02/2008	11D7	Mồ côi cha mẹ	
3	Doãn Nguyễn Bảo Châu	01/09/2008	11D9	Mồ côi cha mẹ	
II	Bệnh binh				
1	Lại Tú Linh	28/08/2009	10D4	Bệnh binh	
III	Thuộc diện cận hộ nghèo				
1	Mã Văn Hoàng	10/01/2009	10A5	Hộ cận nghèo	
2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	07/01/2009	10D9	Hộ cận nghèo	
3	Nguyễn Trung Đức	01/01/2008	11A4	Hộ cận nghèo	
4	Lương Tuấn Hùng	02/08/2008	11A4	Hộ cận nghèo	
5	Lê Ngọc Bảo Như	08/03/2007	12D2	Hộ cận nghèo	
6	Nguyễn Viêt Hùng	25/07/2007	12D4	Hộ cận nghèo	

*** Học sinh miễn giảm kỳ 2 năm học 2024-2025**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Lớp	Thuộc diện chính sách	Ghi chú
I	Học sinh mồ côi cha mẹ				

1	Nguyễn Bảo Lâm	25/10/2009	10D7	Mồ côi cha mẹ	
2	Ngô Thảo Chi	21/02/2008	11D7	Mồ côi cha mẹ	
3	Doãn Nguyễn Bảo Châu	01/09/2008	11D9	Mồ côi cha mẹ	
II	Bệnh binh				
1	Lại Tú Linh	28/08/2009	10D4	Bệnh binh	

Nhà trường thực hiện miễn giảm theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và NĐ 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

4. 3. Công khai các khoản thu năm 2024-2025

* Năm học 2024-2025

Đvt: đồng

TT	Nội dung	ĐV tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
I	Khoản thu theo quy định			
1	Học phí	Đ/HS/tháng	95.000	
II	Khoản thu bắt buộc			
1	Bảo hiểm y tế năm 2022 khối 12	Đ/HS/9tháng	663.000	Thu theo hướng dẫn BHXH Thành phố Hà Nội
2	Bảo hiểm y tế năm 2022 khối 10,11	Đ/HS/12 tháng	884.000	
III	Khoản thu thỏa thuận			
1	Thu nước uống học sinh	Đ/HS/tháng	15.000	Thu theo kỳ, thu theo thực tế tháng học trực tiếp
2	Thu dạy thêm, học thêm	Đ/HS/ tiết học	7.000 trở lên	Theo QĐ số 22/2013/QĐ-UBND
IV	Khoản thu khác			
1	Thu hỗ trợ tiếng Anh nước ngoài (nếu có)	Đ/HS/ tiết học	50.000	Thu theo tiết học thực tế, thỏa thuận
2	Bảo hiểm thân thể (tự nguyện)	Đ/HS/năm học	100.000	
3	Kinh phí hoạt động của ban đại diện CMHS	Đ/HS/kỳ	Mức thu ủng hộ tự nguyện, trích từ quỹ CMHS lớp	

4.4. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

Đvt: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng 2025	(Tỷ lệ %)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	19.436.954	8.109.012	42%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.880.660	7.846.762	42%	
*	<i>Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025</i>	18.866.410	7.846.762	42%	
	<i>Kinh phí ngân sách đặt hàng 8 tháng đầu năm 2025</i>	12.555.050	7.846.762	63%	
	<i>Kinh phí ngân sách đặt hàng 4 tháng cuối năm 2025</i>	6.311.360	0		
*	Kinh phí ngân sách Thành phố cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	9.595	0		
	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố	4.655	0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	556.294	262.250	47%	
*	KP Chi nghiệp vụ.	556.294	262.250	47%	
	Chia ra:				
	.-Chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; học bổng cho người khuyết tật.	5.850	2.250	39%	
	-Kinh phí tiền thưởng để thực hiện Nghị quyết số 08/NQ- HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND Thành Phố	550.444	260.000	47%	

V. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI:

5.1 Cách thức công khai

- Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường:
- Nhà trường thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường:

<https://thptnguyenquoctrinh.hanoi.edu.vn/homegd2> :

+ Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do nhà trường thực hiện tính đến tháng 6/2025;

- Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu khóa học, năm học mới.

- Nhà trường thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới.

5.2 Thời gian công khai

- Thời điểm công khai của các nhà trường như sau:

+ Công bố công khai các nội dung theo quy định trước ngày 30/6/2025. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30/6 chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

- Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

- Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định, nhà trường phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Hà Nội;
- CBGVNV;
- CMHS, HS;
- Đăng Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Ngô Văn Nghĩa